

# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 03-2026

Chuyên viên Phân tích

**Mai Trung Nghĩa** Email: [nghiamt@vikkibanks.vn](mailto:nghiamt@vikkibanks.vn)

Nhân viên Phân tích

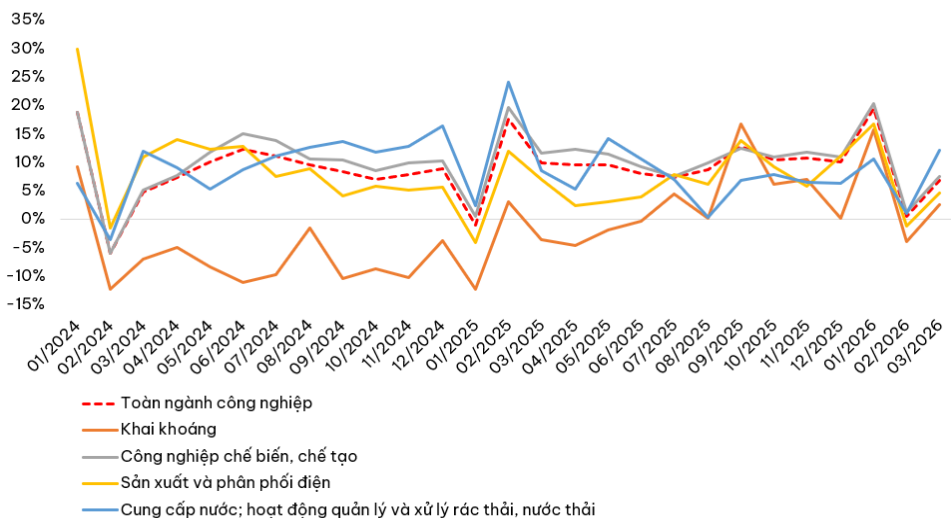
**Tạ Thanh Hoàn Như** Email: [nhutth@vikkibanks.vn](mailto:nhutth@vikkibanks.vn)

## TÓM TẮT SỰ KIỆN

Chủ đề	Sự kiện/Chỉ tiêu	Diễn biến chính	Đánh giá
Vĩ mô Việt Nam	Chỉ số PMI sụt giảm	Chỉ số PMI dù vẫn duy trì trên 50 điểm trong 9 tháng liên tiếp nhưng đã thu hẹp đà tăng còn 51,2 điểm, hoạt động sản xuất vẫn mở rộng nhưng đà tăng trưởng đang chậm lại. Xung đột Trung Đông kéo dài làm giá xăng dầu tăng, khiến chi phí đầu vào của doanh nghiệp gia tăng, từ đó góp phần làm giảm số lượng đơn hàng xuất khẩu.	Tiêu cực
	GDP quý 1/2026	Tăng trưởng GDP trong quý I/2026 đạt 7,83% so với cùng kỳ, cao hơn mức 7,07% của quý I/2025, cho thấy nền kinh tế tiếp tục duy trì đà phục hồi tích cực. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ khu vực bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng và ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Tuy nhiên, với mức tăng trưởng này vẫn chưa đạt được mức tăng trưởng tối thiểu được phân bổ của mục tiêu tăng trưởng 2 con số trong năm 2026.	Tích cực
	Chỉ số giá tiêu dùng CPI tăng mạnh	CPI tháng 3 chạm mức 4,65%, góp phần đưa CPI quý I tăng 3,51% YoY, chủ yếu do giá xăng dầu trong nước tăng cao theo giá nhiên liệu thế giới, cùng với giá vật liệu xây dựng tăng do chi phí nguyên liệu đầu vào và vận chuyển gia tăng. Tính chung trong quý, nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tác động lớn nhất, làm CPI tăng 1,29 điểm phần trăm; nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,55% YoY. Riêng trong tháng 3, nhóm giao thông ghi nhận mức tăng mạnh 10,81% YoY. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng chiến sự tại Trung Đông sẽ sớm kết thúc, giúp giá dầu hạ nhiệt và giảm bớt áp lực lạm phát do chi phí đẩy trong quý II-III/2026.	Trung lập
	Vốn đăng ký FDI tăng kỷ lục	Tổng vốn FDI đăng ký đến 31/3/2026 đạt 15,2 tỷ USD tăng 42,9% YoY, nhờ số dự án cấp mới tăng 6,4% YoY và quy mô vốn đăng ký tăng gấp 2,4 lần so với cùng kỳ. Động lực chính đến từ ngành chế biến, chế tạo, trong khi vốn FDI thực hiện đạt 5,41 tỷ USD (+9,1% YoY), mức cao nhất trong 5 năm.	Tích cực
Vĩ mô thế giới	Chiến sự tại Trung Đông	Mỹ và Iran tiếp tục tìm kiếm các cuộc đàm phán nhằm hạ nhiệt căng thẳng, nhưng chưa đạt tiến triển rõ ràng. Trong khi đó, Mỹ đã triển khai lực lượng phong tỏa tại eo biển Hormuz, còn Iran cân nhắc hạn chế hoạt động vận chuyển để tránh làm gián đoạn đàm phán.	Trung lập

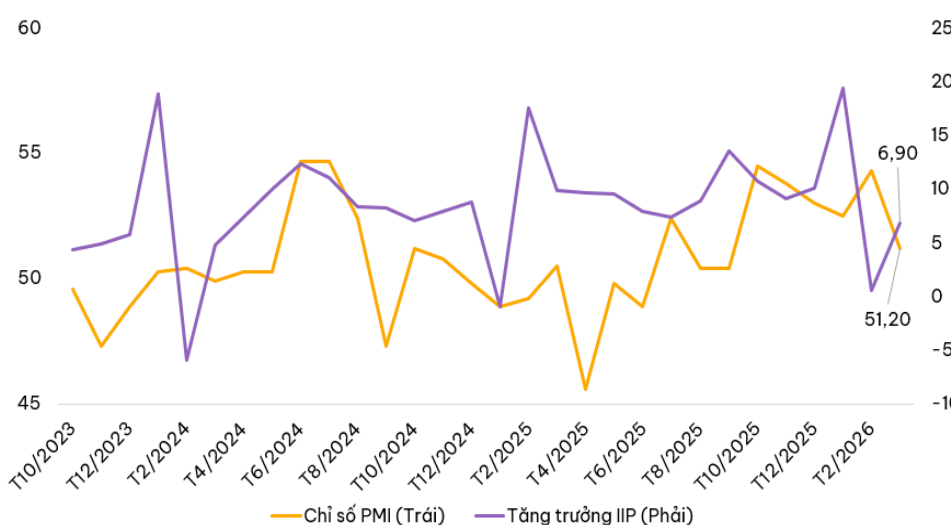


**Hình 1: Tăng trưởng IIP của Việt Nam (%YoY)**



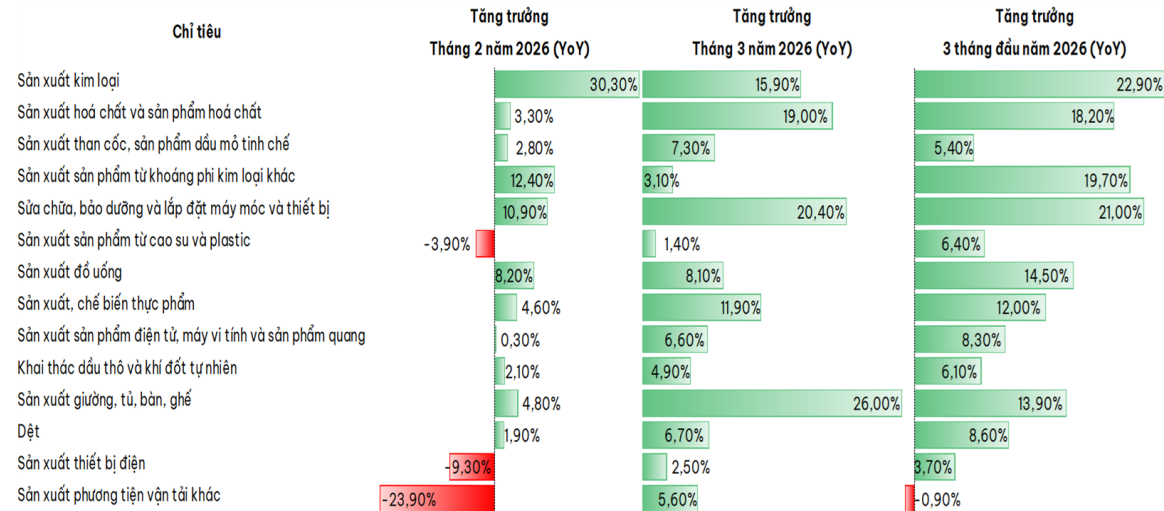
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 2: Chỉ số PMI & Tăng trưởng IIP (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

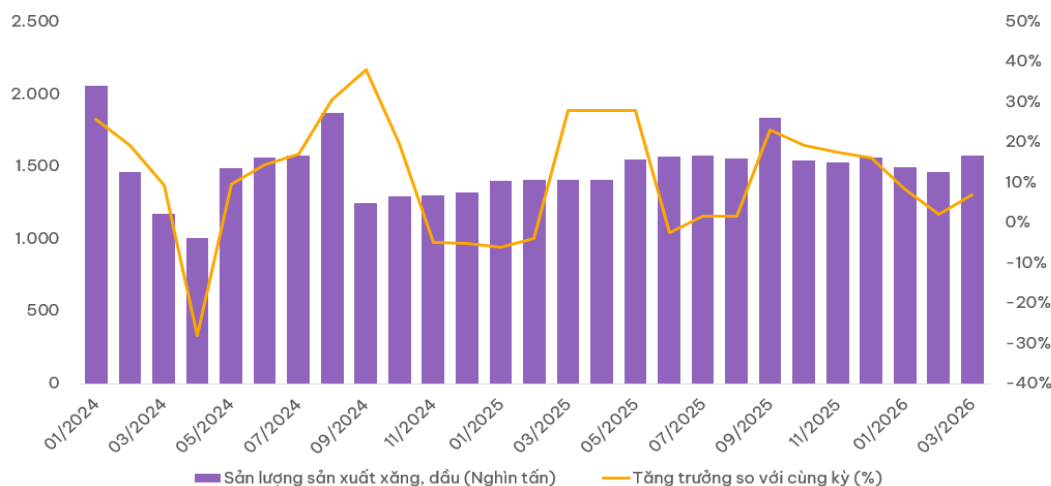
**Hình 3: Tăng trưởng IIP của một số ngành công nghiệp trọng điểm**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

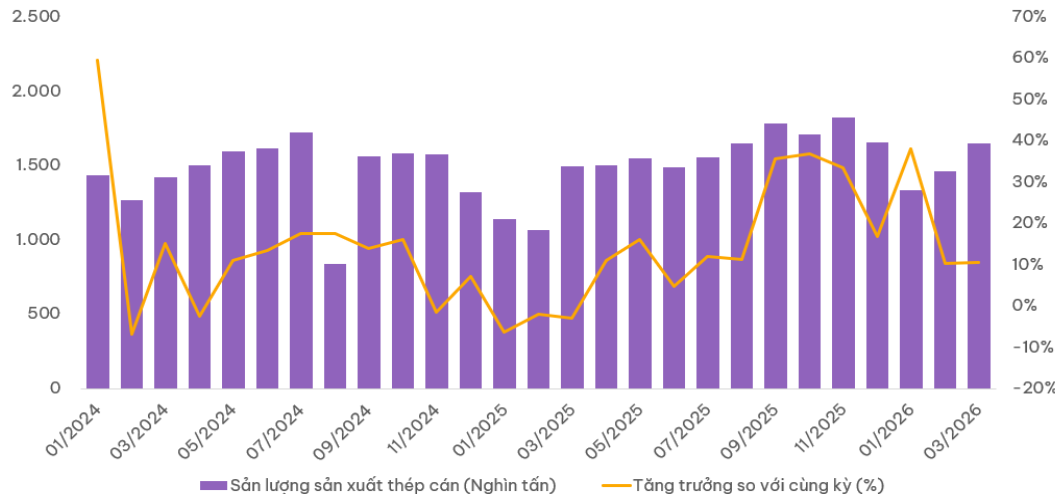
- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 03/2026 ước tăng 18,8% so với tháng trước và tăng 6,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,5%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 4,6%; ngành khai khoáng tăng 2,6%. Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I/2026 ước tăng 9,0% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2025 tăng 8,3%), trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,7%, đóng góp 7,6 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,8%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 6,3%, đóng góp 0,6 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 4,7%, đóng góp 0,7 điểm phần trăm trong mức tăng chung
- Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam vẫn nằm trên ngưỡng 50 điểm trong tháng 3, từ đó kéo dài thời kỳ cải thiện điều kiện kinh doanh hiện nay thành chín tháng. Tuy nhiên, chỉ số PMI đã giảm còn 51,2 so với 54,3 điểm của tháng 2 cho thấy các điều kiện sản xuất có mức cải thiện ít nhất kể từ tháng 9 năm ngoái.

**Hình 4: Sản lượng xăng, dầu theo tháng (%YoY)**



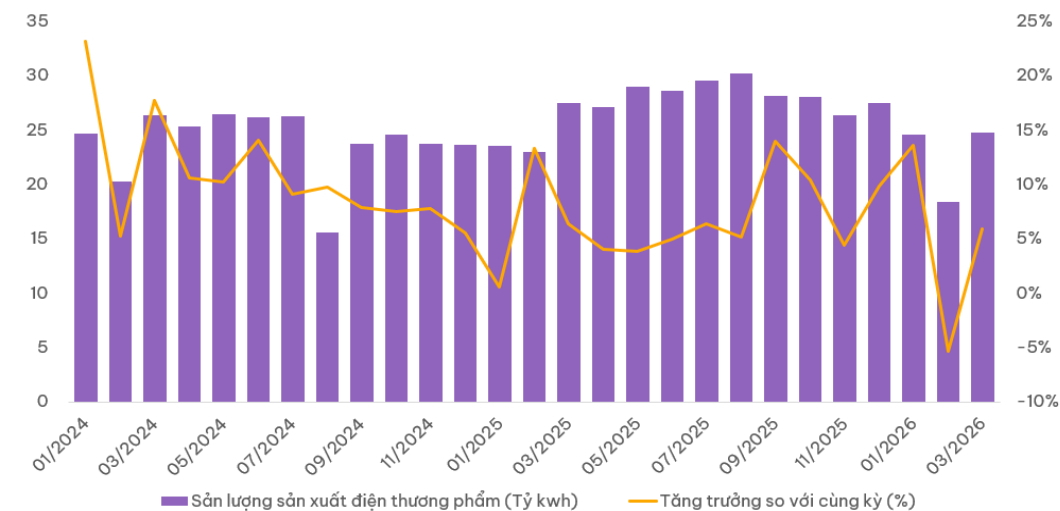
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 5: Sản lượng thép cán theo tháng (%YoY)**



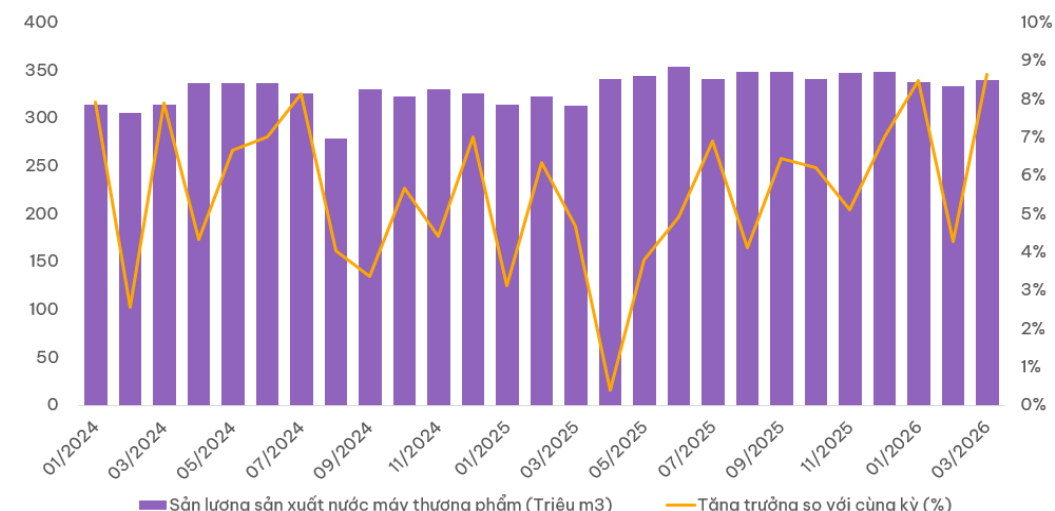
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 6: Sản lượng sản xuất điện thương phẩm theo tháng (%YoY)**



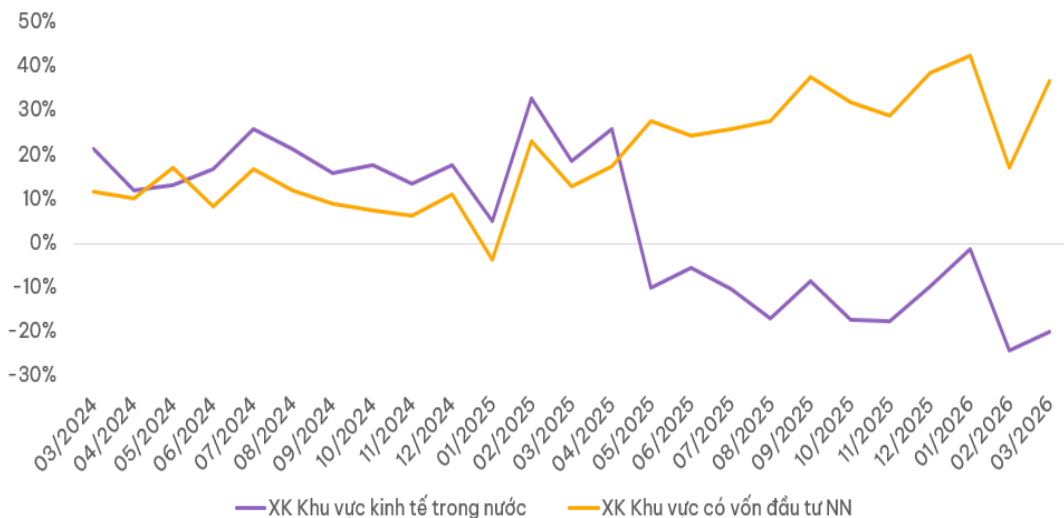
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 7: Sản lượng sản xuất nước máy thương phẩm theo tháng (%YoY)**



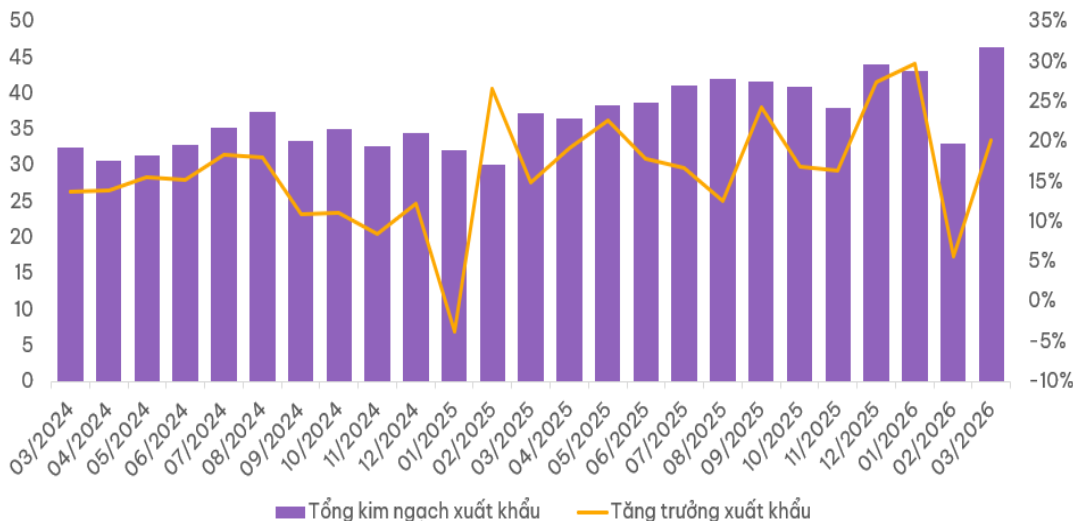
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 8: Tăng trưởng xuất khẩu qua các tháng (%YoY)**



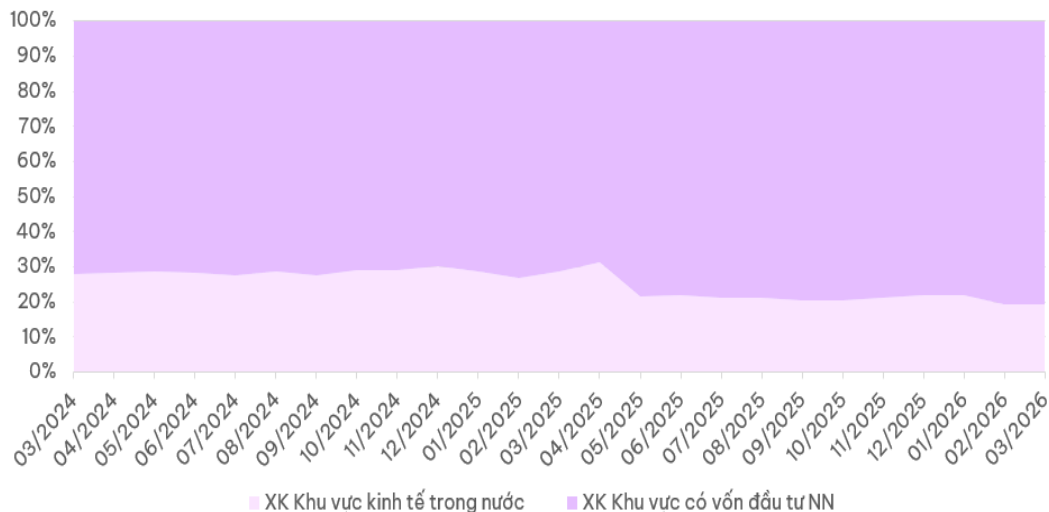
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 10: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

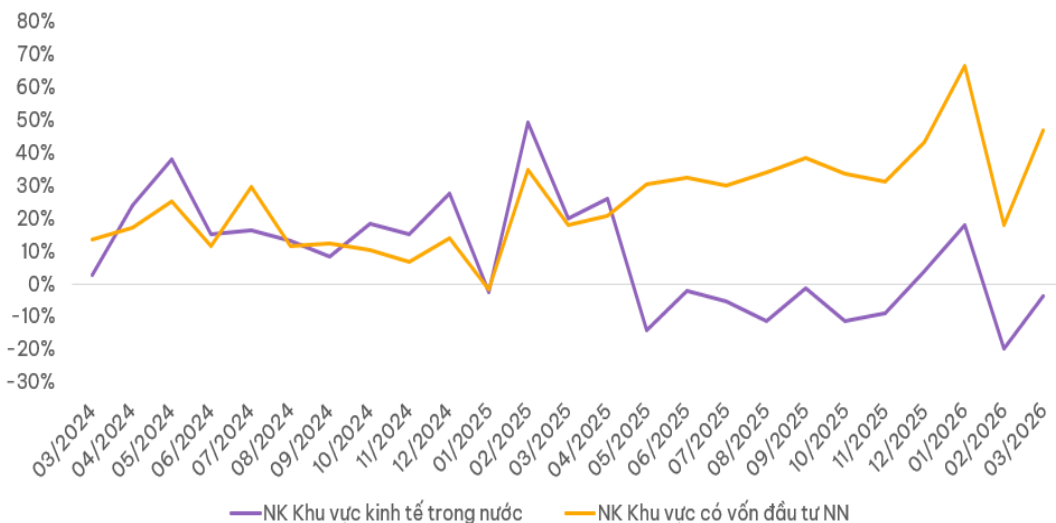
**Hình 9: Cơ cấu xuất khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

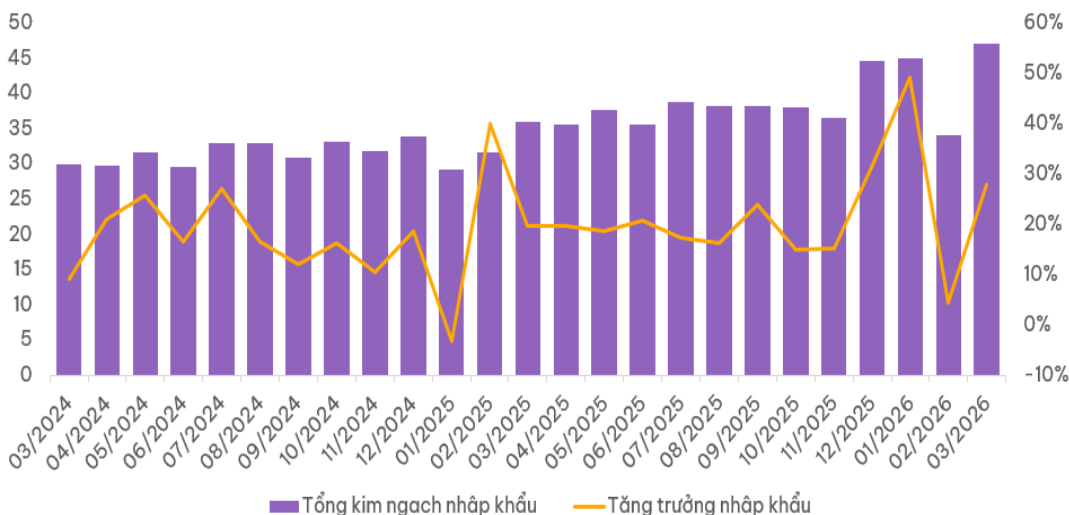
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa T3/2026 ước đạt 46,44 tỷ USD, tăng 40,3% so với tháng trước và tăng 20,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 8,96 tỷ USD, tăng 39,2% (MoM); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 37,48 tỷ USD, tăng 40,6% (MoM).
- Tính chung quý I/2026, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 122,93 tỷ USD, tăng 19,1% (YoY). Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu trên 5 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+45,5% YoY); Điện thoại các loại và linh kiện (+19,3% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+21,2% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 33,3% với giá trị xuất khẩu đạt 98,46 tỷ USD – chiếm 80,1% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức giảm 16,6% với giá trị xuất khẩu đạt 24,47 tỷ USD – chiếm 19,9% tổng kim ngạch.

**Hình 11: Tăng trưởng nhập khẩu qua các tháng (%YoY)**



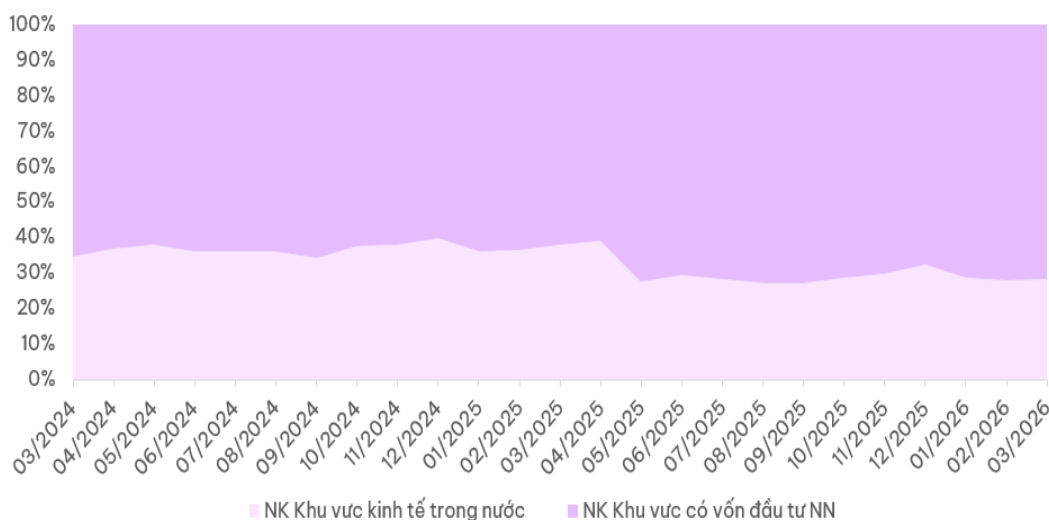
Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 13: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa qua các tháng (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

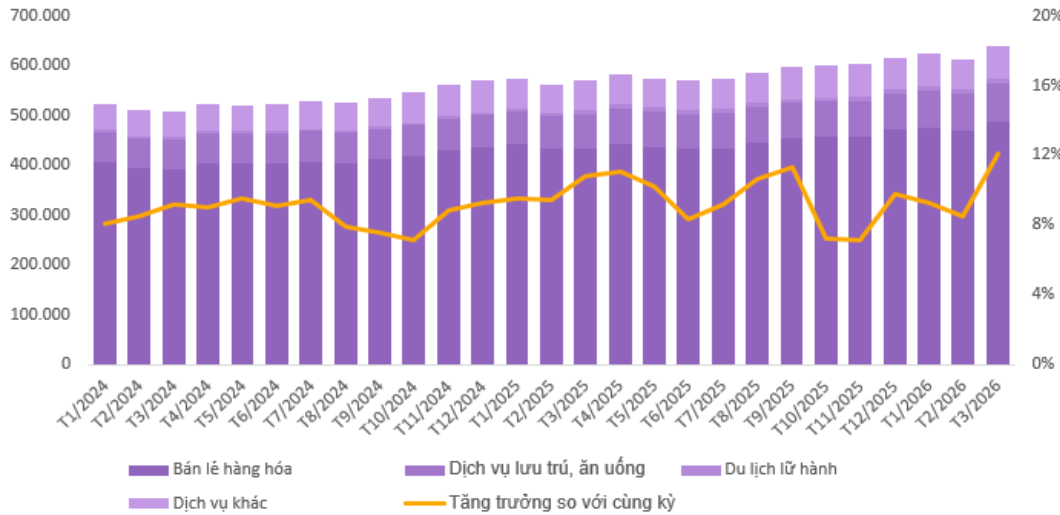
**Hình 12: Cơ cấu nhập khẩu theo nhóm qua các tháng (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

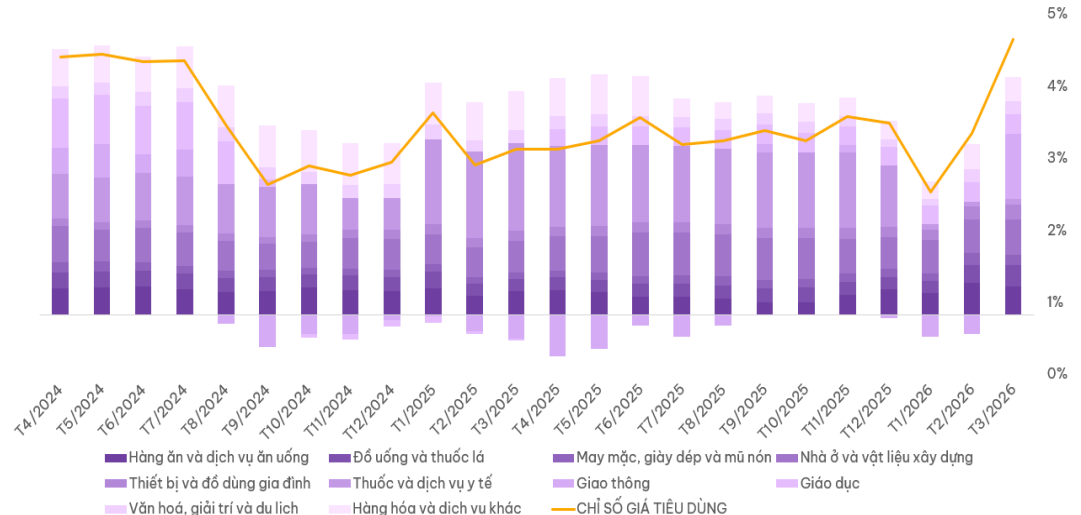
- Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa T3/2026 ước đạt 47,11 tỷ USD, tăng 38,2% so với tháng trước và tăng 37,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 13,45 tỷ USD, tăng 40,8% (MoM); khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 33,66 tỷ USD, tăng 37,1% (MoM).
- Tính chung quý I/2026, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 126,57 tỷ USD, tăng 27% (YoY). Được thúc đẩy bởi một số mặt hàng có giá trị nhập khẩu trên 5 tỷ USD với mức tăng trưởng cao như: Điện tử, máy tính & linh kiện (+50,5% YoY); Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (+22,6% YoY).
- Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 45,3% với giá trị nhập khẩu đạt 91,37 tỷ USD – chiếm 71,5% tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong khi đó, khu vực kinh tế trong nước ghi nhận mức giảm 4,3% với giá trị nhập khẩu đạt 35,2 tỷ USD – chiếm 28,5% tổng kim ngạch.

**Hình 14: Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng qua các tháng**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

**Hình 15: Chỉ số CPI và mức tăng trưởng của các nhóm ngành (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng 3/2026 ước đạt 638,6 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu nhóm hàng xăng, dầu tăng 23,3% so với cùng kỳ năm trước; hàng lương thực, thực phẩm tăng 10,7%; hàng may mặc tăng 9,3%; vật phẩm văn hóa, giáo dục tăng 7,7%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 7,5%; dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 13,9%; du lịch lữ hành tăng 11,5% và các nhóm hàng dịch vụ khác tăng 7,6%.
- Tính chung quý I/2026, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 1.902,8 nghìn tỷ đồng, tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,0%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa quý I/2026 ước đạt 1.452,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 76,3% tổng mức và tăng 10,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu nhóm hàng may mặc tăng 9,9% so với cùng kỳ năm trước; hàng lương thực, thực phẩm tăng 9,8%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 8,2%; phương tiện đi lại (trừ ô tô) tăng 5,2%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 4,9%. Doanh thu bán lẻ hàng hóa quý I/2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Quảng Ninh tăng 12,8%; Bắc Ninh tăng 11,4%; Đồng Nai và Cần Thơ cùng tăng 9,9%; Hải Phòng tăng 9,6%.
- Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống quý I/2026 ước đạt 234,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 12,4% tổng mức và tăng 13,3% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu quý I/2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Đà Nẵng tăng 18,1%; Cần Thơ tăng 15,1%; Hải Phòng tăng 14,7%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 11,3%; Hà Nội tăng 8,6%.
- Doanh thu du lịch lữ hành quý I/2026 ước đạt 22,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,2% tổng mức và tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước do lượng khách du lịch nội địa và khách quốc tế đến Việt Nam tăng cao trong những dịp lễ, Tết chào năm mới. Doanh thu quý I/2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Khánh Hòa tăng 30,7%; An Giang tăng 25,8%; Quảng Ninh tăng 24,2%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 12,9%; Hà Nội tăng 8,2%.
- Doanh thu dịch vụ khác quý I/2026 ước đạt 192,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng mức và tăng 8,0% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu quý I/2026 so với cùng kỳ năm trước của một số địa phương như sau: Gia Lai tăng 19,4%; Bắc Ninh tăng 17,8%; Ninh Bình tăng 16,9%; Khánh Hòa tăng 15,2%.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2026 tăng 1,23% so với tháng trước do giá xăng dầu trong nước tăng cao theo giá nhiên liệu thế giới, cùng với giá vật liệu xây dựng tăng do chi phí nguyên liệu đầu vào và vận chuyển gia tăng. So với tháng 12/2025, CPI tháng 3 tăng 2,44% và tăng 4,65% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng CPI cao nhất của tháng 3 so với cùng kỳ năm trước trong 5 năm qua. Tính chung quý I/2026, CPI tăng 3,51% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,63%. Trong mức tăng 1,23% của CPI tháng 3/2026 so với tháng trước, có 09 nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá tăng và 02 nhóm hàng có chỉ số giá giảm. Trong đó, chín nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm:

- Nhóm giao thông tăng 12,85% (tác động làm CPI chung tăng 1,28 điểm phần trăm), chủ yếu do giá xăng dầu tăng mạnh: Chỉ số giá xăng tăng 29,72%; chỉ số giá dầu diesel tăng 57,03% do giá xăng dầu thế giới tăng cao trong bối cảnh xung đột vũ trang tại Trung Đông làm gián đoạn nguồn cung toàn cầu. Theo đó, chi phí vận tải tăng, làm giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 6,53%. Trong đó, giá vận tải hành khách bằng đường hàng không tăng 23,19%; đường sắt tăng 13,92%; đường thủy tăng 6,51%; xe buýt tăng 4,32%; đường bộ tăng 2,38%; tắc xi tăng 1,77%; dịch vụ giao nhận hành lý và hành lý ký gửi tăng 1,43%. Chỉ số giá nhóm bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,72%, trong đó giá dịch vụ sửa chữa xe máy tăng 0,71%; dịch vụ sửa chữa xe đạp tăng 0,81%. Chỉ số giá nhóm phụ tùng tăng 0,65% do chịu tác động từ giá nguyên liệu sản xuất và chi phí nhập khẩu tăng, trong đó lốp, săm xe máy tăng 0,71%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,63%; phụ tùng ô tô tăng 0,55%.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,77% (tác động làm tăng CPI chung 0,17 điểm phần trăm), chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau: Giá dầu hỏa tăng 62,35%, giá gas tăng 5,56%; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 1,58%; giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 1,20%; giá thuê nhà tăng 0,94%; giá dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 0,32%; dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 0,24%; dịch vụ về nước sinh hoạt tăng 0,13%. Ở chiều ngược lại, giá điện sinh hoạt giảm 0,39%, nước sinh hoạt giảm 0,15% do sản lượng tiêu thụ giảm.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,38% (làm CPI chung tăng 0,02 điểm phần trăm). Trong đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 0,33% do một số địa phương triển khai áp dụng giá dịch vụ y tế mới theo Nghị quyết số 335/NQ-CP ngày 17/10/2025 của Chính phủ về việc tính chi phí quản lý vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Bên cạnh đó, chỉ số giá nhóm thuốc các loại tăng 0,49% so với tháng trước, chủ yếu do chi phí nhập khẩu nguyên liệu dược và chi phí sản xuất, phân phối tăng. Cụ thể, giá nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt tăng 0,72%; thuốc chống dị ứng tăng 0,68%; hoóc - môn và thuốc tác động vào hệ nội tiết tăng 0,47%; thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,40%; thuốc tim mạch tăng 0,39%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,37% do tỷ giá đô la Mỹ tăng và chi phí nguyên liệu đầu vào tăng. Trong đó, giá nước quả ép tăng 1,15%; thuốc lá tăng 0,88%; nước tăng lực đóng chai, lon, hộp tăng 0,82%; ngược lại giá rượu bia giảm 0,03%.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,33%. Một số mặt hàng có giá tăng: Hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,61%; sửa chữa thiết bị gia đình tăng 0,55%; máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,45%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,43%; quạt điện tăng 0,37%; tủ lạnh tăng 0,25%; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,13%. Ở chiều ngược lại, giá thuê người phục vụ giảm 1,23%; nồi điện giảm 0,77%; lò vi sóng, lò nướng, bếp từ giảm 0,76%.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng 0,18%. Trong đó, giá máy vi tính và phụ kiện tăng 0,72%; thiết bị âm thanh tăng 0,54%; sửa chữa điện thoại tăng 0,42%; dịch vụ truyền hình và internet tăng 0,36%. Ở chiều ngược lại, giá máy điện thoại di động thông thường giảm 0,73%; ti vi màu giảm 0,10%; máy điện thoại cố định giảm 0,06%.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,13%, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng: Nhóm đồ trang sức tăng 3,33% theo giá vàng trong nước; sửa chữa đồng hồ đeo tay, đồ trang sức tăng 1,15%; đồ dùng cá nhân tăng 0,73%; hiểu hỉ tăng 0,43%. Ở chiều ngược lại, dịch vụ phục vụ cá nhân giảm 0,40%; bảo hiểm y tế giảm 0,34% do Phú Thọ triển khai hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh.

- Nhóm giáo dục tháng Ba tăng 0,10%, trong đó dịch vụ giáo dục tăng 0,09% chủ yếu do một số trung tâm gia sư, dạy thêm, học nghề và một số trường tư thục điều chỉnh học phí. Bên cạnh đó, bút viết các loại tăng 0,30%; sản phẩm từ giấy tăng 0,29%; văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,15%.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,01%. Trong đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ giày dép tăng 0,89%; dịch vụ may mặc tăng 0,52%; may mặc khác tăng 0,45%; mũ nón tăng 0,34% do chi phí đầu vào tăng. Ở chiều ngược lại, chỉ số giá quần áo may sẵn và giày dép cùng giảm 0,04% do nhu cầu giảm.

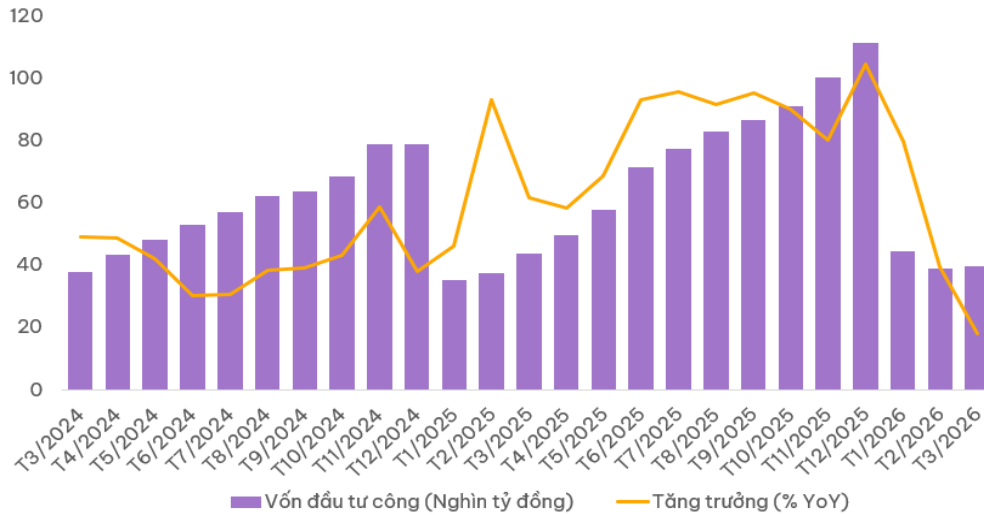
Hai nhóm hàng hóa và dịch vụ có chỉ số giá giảm gồm:

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,05% chủ yếu giảm ở những mặt hàng sau: Giá nhóm cây, hoa cảnh giảm 3,01% do nhu cầu giảm sau Tết; máy ảnh, máy quay video giảm 0,23%; thiết bị thể dục thể thao giảm 0,15%; khách sạn, nhà khách giảm 0,13%. Ngược lại, giá nhóm du lịch trọn gói tăng 0,81% (du lịch ngoài nước tăng 1,36%; du lịch trong nước tăng 0,72%); chụp, in tráng ảnh tăng 0,93%; đồ chơi trẻ em tăng 0,90%; dịch vụ liên quan đến vật nuôi tăng 0,65%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,59% (tác động làm CPI chung giảm 0,21 điểm phần trăm), trong đó Lương thực giảm 0,06%; thực phẩm giảm 1,41% (tác động giảm 0,31 điểm phần trăm); ngược lại, nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 1,17% (tác động tăng 0,11 điểm phần trăm).

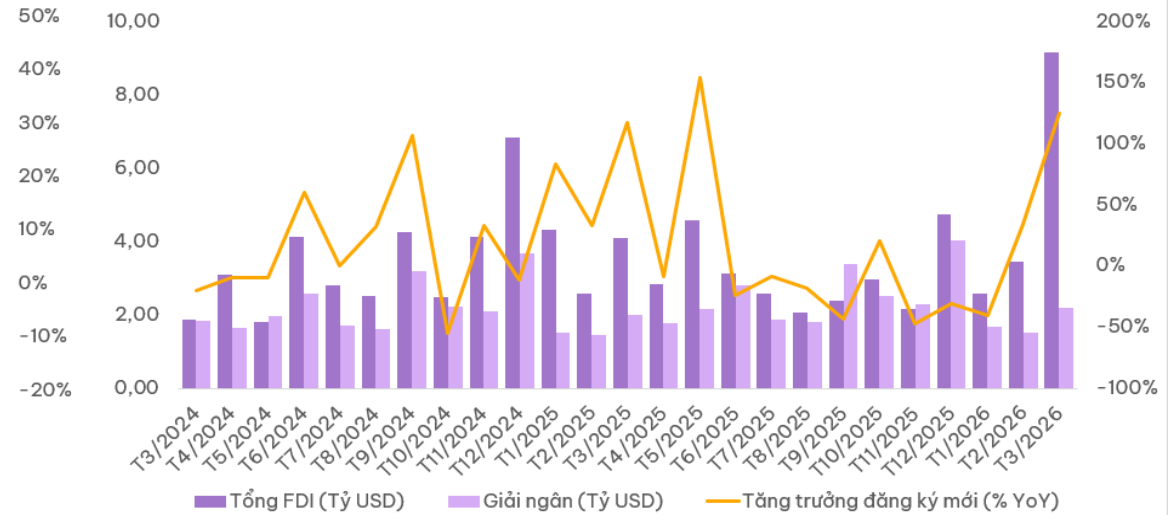
• Lạm phát cơ bản tháng 3/2026 tăng 0,47% so với tháng trước và tăng 3,96% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân quý I/2026, lạm phát cơ bản tăng 3,63% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 3,51% của CPI bình quân chung, chủ yếu do giá lương thực là yếu tố tác động giảm CPI chung nhưng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

**Hình 16: Tăng trưởng đầu tư công qua các tháng (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

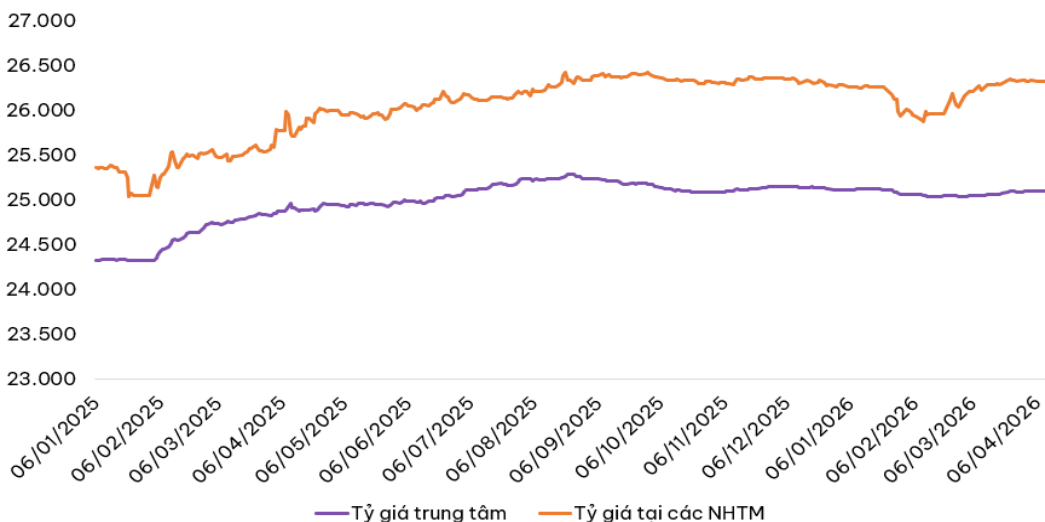
**Hình 17: Tăng trưởng FDI tại Việt Nam qua các tháng (%YoY)**



Nguồn: Tổng cục thống kê, VikkiBankS Research

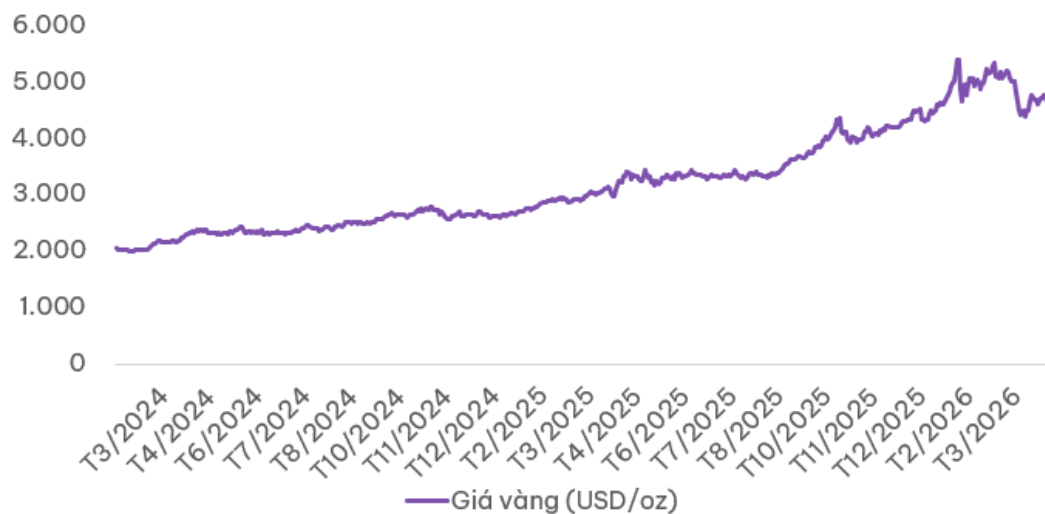
- Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước quý I/2026 ước đạt 133,2 nghìn tỷ đồng, bằng 14,5% kế hoạch năm và tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước (quý I/2025 bằng 11,7% và tăng 21,8%). Theo cấp quản lý, vốn trung ương đạt 18,6 nghìn tỷ đồng, bằng 10% kế hoạch năm và tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước; vốn địa phương đạt 114,6 nghìn tỷ đồng, bằng 15,7% và tăng 12,2%. Trong vốn địa phương quản lý, vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh đạt 88,5 nghìn tỷ đồng, bằng 15,5% và tăng 9,2%; vốn ngân sách Nhà nước cấp xã đạt 26,1 nghìn tỷ đồng, bằng 16,4% và tăng 23,5%.
- Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 31/3/2026 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 15,20 tỷ USD, tăng 42,9% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký cấp mới có 904 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 10,23 tỷ USD, tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và gấp 2,4 lần về số vốn đăng ký. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được cấp phép mới đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 7,07 tỷ USD, chiếm 69,0% tổng vốn đăng ký cấp mới; sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa đạt 2,28 tỷ USD, chiếm 22,3%; các ngành còn lại đạt 884,6 triệu USD, chiếm 8,7%.
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 03 tháng đầu năm 2026 ước đạt 5,41 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 03 tháng đầu năm trong 5 năm qua. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 4,48 tỷ USD, chiếm 82,8% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 389,5 triệu USD, chiếm 7,2%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 196,1 triệu USD, chiếm 3,6%.

**Hình 18: Tỷ giá USD/VND**



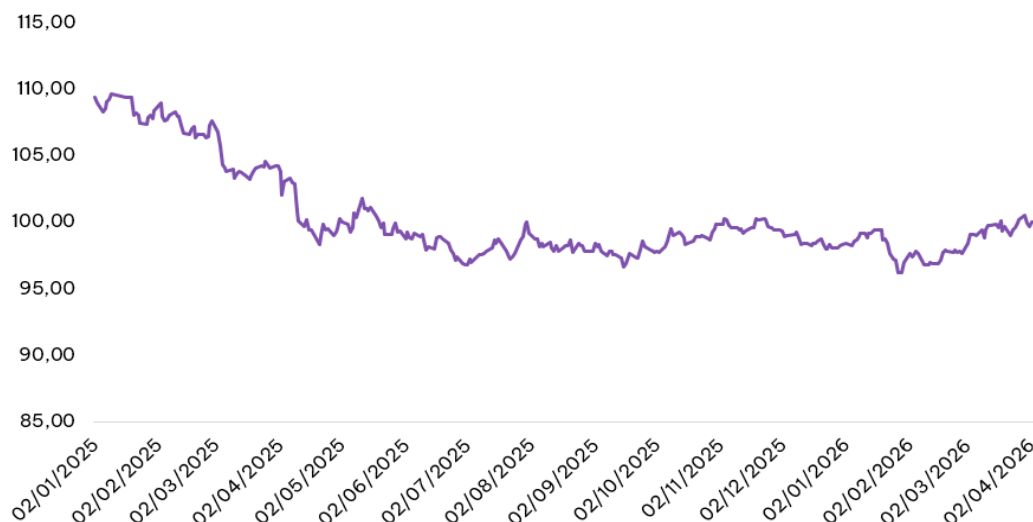
Nguồn: VikkiBankS Research

**Hình 20: Giá vàng thế giới**



Nguồn: VikkiBankS Research

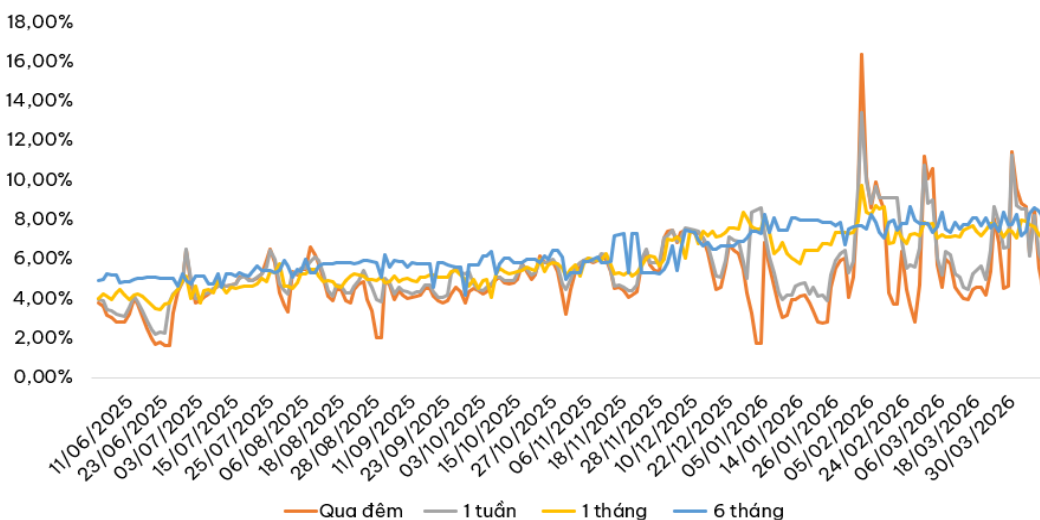
**Hình 19: Chỉ số Dollar (DXY)**



Nguồn: VikkiBankS Research

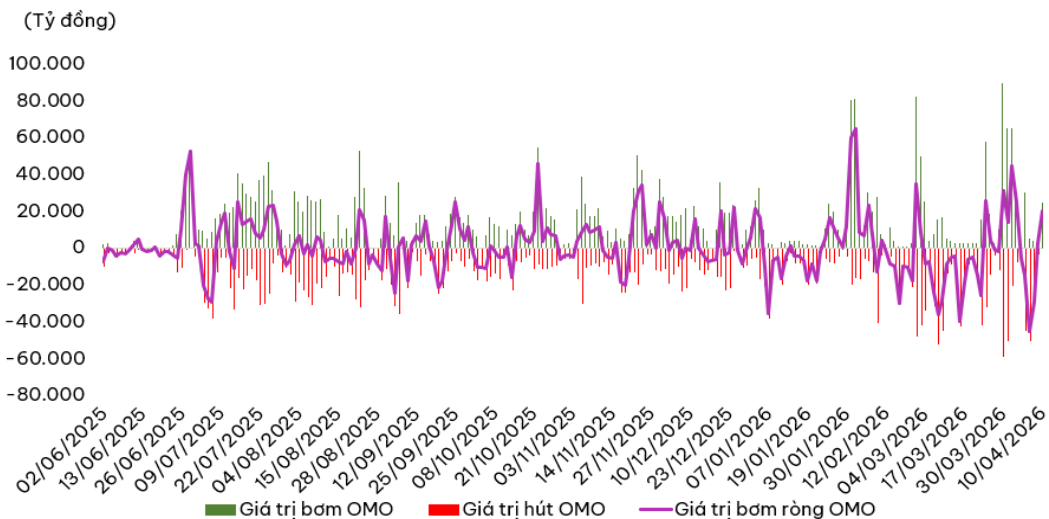
- Tính đến ngày 28/03/2026, chỉ số DXY đạt mức 99,29 điểm, tăng 2,03% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do xung đột vũ trang tại Trung Đông làm gia tăng nhu cầu nắm giữ USD như tài sản an toàn. Bên cạnh đó, giá vàng giảm cũng góp phần thúc đẩy dòng vốn chuyển sang đồng USD. Việc Cục Dự trữ liên bang (FED) duy trì lãi suất điều hành ở mức 3,5%-3,75% trong cuộc họp ngày 18/3/2026 cũng góp phần hỗ trợ đồng USD tăng giá.
- Giá vàng trong nước biến động ngược chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 28/3/2026, bình quân giá vàng thế giới ở mức 4.909,01 USD/ounce, giảm 2,27% so với tháng 02/2026. Trong tháng 3/2026, giá vàng thế giới giảm mạnh sau giai đoạn tăng cao trước đó do tác động kết hợp của các yếu tố kinh tế và tâm lý thị trường trong bối cảnh địa chính trị phức tạp. Hoạt động chốt lời và rút vốn của nhà đầu tư gia tăng sau đợt tăng giá cuối tháng 02/2026 làm tăng áp lực bán trên thị trường vàng. So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá vàng tăng 82,77%; so với tháng 12/2025 tăng 18,81%; bình quân quý I/2026, chỉ số giá vàng tăng 82,70%

## Hình 21: Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: VikkiBankS Research

## Hình 22: Nghiệp vụ thị trường mở (OMO)



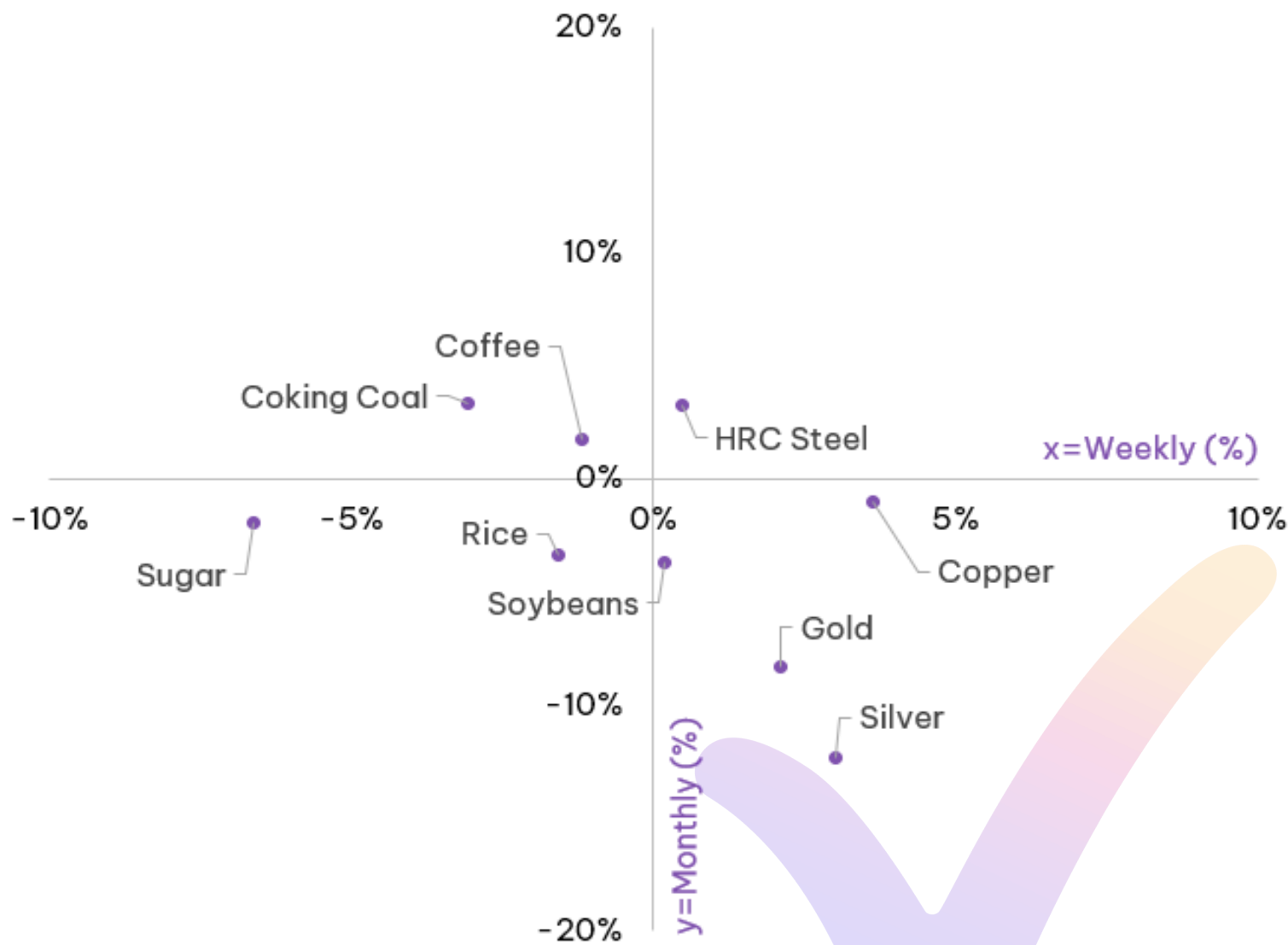
Nguồn: VikkiBankS Research

- Trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng trên tất cả các kỳ hạn tăng mạnh vào đầu tháng 3, Ngân hàng Nhà nước đã bơm hơn 158 nghìn tỷ đồng ra thị trường thông qua nghiệp vụ cho vay cầm cố giấy tờ có giá với lãi suất 4,5%/năm nhằm hỗ trợ thanh khoản. Động thái điều tiết kịp thời này đã góp phần giúp mặt bằng lãi suất liên ngân hàng duy trì trạng thái ổn định trong phần lớn thời gian của tháng. Tuy nhiên, trong hai ngày cuối tháng, lãi suất qua đêm bất ngờ tăng vọt, dao động quanh mức 9-12%, buộc Ngân hàng Nhà nước tiếp tục bơm ròng hơn 45 nghìn tỷ đồng để ổn định thanh khoản hệ thống.
- Những ngày đầu tháng 4/2026, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục bơm ròng mạnh trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng có xu hướng vận động tương tự tháng trước đó. Thống kê 7 ngày đầu tiên của tháng (01-07/04), có hơn 131,151 nghìn tỷ trúng thầu trên kênh OMO, kỳ hạn từ 07 - 56 ngày với lãi suất 4,5%. Trong khi, giá trị đáo hạn trên kênh cho vay cầm cố giấy tờ có giá trong kỳ đạt hơn 80 nghìn tỷ đồng.

# BÁO CÁO VĨ MÔ THÁNG 03-2026

Thứ Tư, 15 Tháng Tư 2026

Name	Price	YoY
Crude Oil (USD/bbl)	98,89	60,80%
Brent (USD/bbl)	96,55	49,09%
Coking Coal (USD/t)	229	22,46%
Gold (USD/t.oz)	4.748,39	46,71%
Silver (USD/t.oz)	75,20	133,07%
Copper (USD/lbs)	5,79	27,56%
HRC Steel (USD/t)	1.085,05	15,68%
Sugar (USD/lbs)	13,97	-22,31%
Soybeans (USD/bu)	1.168,87	12,09%
Coffee (USD/lbs)	292,46	-18,77%
Rice (USD/cwt)	10,91	-19,25%



Nguồn: Tradingeconomics, VikkiBankS Research

## TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) là thành viên của Ngân hàng số Vikki, hiện là một trong các định chế tài chính lớn nhất Việt Nam. VikkiBankS cũng là một thành viên chính thức của thị trường chứng khoán Việt Nam, và đang đi đầu trong một số dịch vụ tài chính có công nghệ cao. Công ty hiện có đầy đủ các nghiệp vụ chứng khoán gồm: Môi giới, Tự doanh, Tư vấn tài chính và Tư vấn đầu tư, Lưu ký chứng khoán.

## HỆ THỐNG CHI NHÁNH

### • Trụ sở chính:

Địa chỉ: 62 - 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 5445

### • Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: 60-70 Nguyễn Công Trứ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8666 Fax: (028) 3821 4891

### • Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 181 Nguyễn Lương Bằng, Phường Đồng Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 3944 5175 Fax: (024) 3944 5178 - 3944 5176

## KHUYẾN CÁO

*Báo cáo này chỉ nhằm cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như nhà đầu tư cá nhân và không hàm ý đưa ra lời khuyên chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào. Các quan điểm và nhận định trình bày trong báo cáo không tính đến sự khác biệt về mục tiêu và chiến lược cụ thể của từng nhà đầu tư. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của mình. Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Số Vikki (VikkiBankS) tuyệt đối không chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin của báo cáo này.*

*Các quan điểm, nhận định, đánh giá trong báo cáo là quan điểm cá nhân của cá nhân người viết mà không đại diện cho quan điểm của VikkiBankS và có thể thay đổi mà không cần báo trước.*

*Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VikkiBankS thu thập từ nguồn đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Tuy nhiên, VikkiBankS không đảm bảo độ chính xác thông tin này.*

*Báo cáo này là tài sản và được giữ bản quyền bởi VikkiBankS. Không được phép sao chép, phát hành cũng như tái phân phối báo cáo vì bất kỳ mục đích gì nếu không có văn bản chấp thuận của VikkiBankS. Vui lòng ghi rõ nguồn khi trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.*